

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HS-PT

Ngày: 01-11-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Trung K do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo bị kháng cáo: **Bùi Trung K**, sinh năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số C ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quốc T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1968; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Châu Bình – Bộ Công an; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Phan Hoài B, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số A ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 27/4/2023, tại nhà của Nguyễn Văn P và Nguyễn Hoài L ở ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre tổ chức tiệc mừng sinh nhật cho Nguyễn Thúy A (bạn của vợ chồng P). Tại đây có sự tham gia của L, P, Dương Huỳnh N (vợ của P), Nguyễn Thúy A, Bùi Trung K, Nguyễn Duy K1, Trần Minh C, Nguyễn Thị

Quê T1, Nguyễn Thị Thu N1, Lê Nguyễn Tú Q, Lê Duy K2, Lê Tuấn H, Đoàn Văn Đ, sau đó thì Nguyễn Thúy A về trước. Đến khoảng hơn 21 giờ cùng ngày thì có Lê Văn B1 và Phan Hoài B đến (do Đ gọi điện thoại rủ B1 và B1 rủ thêm B cùng đến), tại bữa tiệc những người tham dự đều có uống nhiều bia, rượu.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì giữa Phan Hoài B và Nguyễn Duy K1 xảy ra mâu thuẫn, hai bên cự cãi về việc B nợ tiền của K1. Bùi Trung K ngồi kế bên K1 nghe thấy nên hỏi K1 “Vụ tiền bạc gì vậy K1?”. K1 chưa kịp trả lời thì B nói “Tí về tao chém chết mẹ mày! Thằng nào muốn thì ra chém tay đôi!”. B vừa nói vừa nhìn về hướng Nguyễn Duy K1 và K nên K nghĩ là B nói K và muốn kiếm chuyện với K nên K nảy sinh ý định đánh B. Do lúc này, ngồi giữa K và B còn có Nguyễn Duy K1, C và P nên K không có hành động gì. Một lúc sau, P đi kéo thùng loa vào nhà, C và K1 đi vệ sinh, B vẫn còn trên ghế nhựa, lúc này K đứng dậy tay phải cầm chén kiêu (bằng sành) để trên bàn đánh 01 cái trúng vào vùng thái dương bên trái của B, làm cái chén bị vỡ rơi các mảnh vỡ ra xung quanh, B ngã gục xuống sân nên xi măng. Lúc này những người có mặt tại đó mới phát hiện, đỡ B đứng dậy, B được Đ và B1 đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T, sau đó B được người nhà chuyển đến cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện N2 - tỉnh Bến Tre từ ngày 28/4/2023 đến ngày 04/5/2023 thì xuất viện.

Sau sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường đã thu mẫu dấu vết màu nâu đỏ nghi là máu người, nhiều mảnh vỡ bằng sành (chén kiêu) quanh vị trí B ngồi và nhiều mảnh vỡ bằng sành (chén kiêu) ở khu vực đồ rác nhà của Nguyễn Hoài L.

Ngày 06/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo Bùi Trung K, bị hại Phan Hoài B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

Ngày 08/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành cho Bùi Trung K nhận dạng vật tương đồng so với cái chén K dùng làm hung khí gây thương tích cho bị hại B. Kết quả, K xác định cái chén bằng sành (thường gọi là chén kiêu) là vật K dùng để đánh B vào ngày 27/4/2023, phù hợp với những mảnh vỡ đã thu giữ tại hiện trường vụ án.

* Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 000932/2023/CN ngày 10/7/2023 của Bệnh viện N2 - tỉnh Bến Tre chứng nhận Phan Hoài B vào viện lúc 00 giờ 40 phút ngày 28/4/2023; ra viện lúc 11 giờ 26 phút ngày 04/5/2023; tình trạng thương tích lúc vào viện:

- Vết thương cạnh mày trái 01 x 01 x 01cm bờ nhám nhở rỉ máu.
- 04 (bốn) vết thương trán trái bờ gọn 03 x 01 x 01cm lộ sọ 02 x 03cm, 02 x

01 x 01cm lộ sọ 01 x 01cm và 02 vết thương 01 x 01 x 01cm không lộ sọ, chảy máu nhiều.

- 01 (một) vết thương thái dương trái 07 x 05cm bờ gọn, đứt cơ thái dương và động mạch, chảy máu nhiều, lột mảng da đầu 06 x 05cm.

- 02 (hai) vết sây sát vai trái dài 05cm và 03 cm.

- Sẹo da đầu thái dương phải hình “chữ Y” lành tốt, màu hồng nhạt, 04 x 01cm.

* Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 275-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 07/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phan Hoài B tại thời điểm giám định là 18%. Phân tích từng tỷ lệ vết thương như sau:

- Sẹo trên cung mày trái kích thước nhỏ: 03%;
- 03 sẹo trán trái dưới chân tóc kích thước nhỏ: mỗi sẹo là 03%;
- Sẹo giữa trán trên chân tóc kích thước nhỏ: 01%;
- Sẹo thái dương trái kích thước lớn: 03%;
- 02 vết sạm da vai trái: 01%;
- Sẹo thái dương phải kích thước trung bình: 02%.

Cơ chế hình thành thương tích: do vật tày và vật sắc nhọn gây ra.

* Tại Bản kết luận giám định ADN số: 612/23/KLGDADN-PYQG ngày 09/11/2023 của V2 kết luận:

- Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên mẫu dấu vết màu nâu đỏ gửi giám định: Dương tính.

- Thu được dữ liệu ADN đầy đủ của một nam giới từ mẫu dấu vết màu nâu đỏ gửi giám định trên tất cả các locus STR đã phân tích và lưu giữ tại V2. Đã sử dụng hết mẫu giám định.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Trung K phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Trung K 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Bùi Trung K phải bồi thường cho bị hại Phan Hoài B số tiền 106.764.628 đồng (trong đó: chi phí điều trị 23.464.628 đồng, tiền thuê ô tô đi điều trị 11.300.000 đồng, tiền mất thu nhập 54.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 18.000.000 đồng). Buộc bị cáo Bùi Trung K phải bồi thường cho bà Lê Thị V tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 2.100.000 đồng. Tổng

cộng số tiền bị cáo phải bồi thường là 108.864.628 đồng, được khấu trừ vào số tiền 12.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000076 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 96.864.628 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên lỗi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 09/7/2024, bị hại Phan Hoài B kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận phù hợp với nội dung vụ án, bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo, bị cáo không có ý kiến gì đối với nội dung kháng cáo của bị hại.

- Bị hại trình bày phù hợp với nội dung vụ án và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại là đúng quy định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Bùi Trung K phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là phù hợp nên kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường tổn thất tinh thần lên số tiền 80.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận; riêng bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường mất thu nhập lên số tiền 90.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Trung K 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 142.764.628 đồng (gồm: chi phí điều trị thương tích là 23.464.628 đồng, chi phí thuê xe ô tô đi điều trị thương tích là 11.300.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 18.000.000 đồng, tiền mất thu nhập là 90.000.000 đồng). Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.
- Bị hại không tranh luận.
- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Bản án sơ thẩm có nêu nội dung thể hiện bị hại nói trong bản tiệc là “Tí về tao chém chết mẹ mày! Thằng nào muốn thì ra chém tay đôi!”. Tuy nhiên, lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án cho rằng không nghe nội dung này, bị hại cũng khẳng định không có nói nội dung này, vì vậy không có cơ sở để quy kết bị hại có nói nội dung câu nói như đã nêu trên. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại kết hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 27/4/2023, trong lúc có uống rượu, bia tại nhà của anh Nguyễn Văn P ở ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, mặc dù không có mâu thuẫn từ trước nhưng bị cáo Bùi Trung K đã dùng tay phải cầm 01 cái chén kiểu bằng sành là hung khí nguy hiểm đánh 01 cái trúng vào vùng thái dương bên trái của bị hại Phan Hoài B gây thương tích cho B với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 18%.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Bùi Trung K phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Bùi Trung K 02 năm 06 tháng tù và buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 106.764.628 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt và tăng tiền bồi thường đối với bị cáo, thấy rằng:

- Đối với kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp

sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, có ông nội là Liệt sĩ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đã áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Trung K 02 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội có 02 tình tiết định khung tăng nặng “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ”, gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 18%, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; tuy nhiên bị cáo cũng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp; bị hại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới có ý nghĩa làm căn cứ tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, vì vậy kháng cáo của bị hại là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với kháng cáo yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm, giữa bị cáo, bị hại với bà Lê Thị V (mẹ bị hại) đã tự nguyện thỏa thuận về việc bị cáo bồi thường cho bị hại chi phí điều trị thương tích là 23.464.628 đồng, chi phí thuê xe ô tô đi điều trị thương tích là 11.300.000 đồng, bị cáo bồi thường cho bà V chi phí tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 2.100.000 đồng, nên cấp sơ thẩm ghi nhận.

Đối với bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền là 80.000.000 đồng. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận và buộc bị cáo bồi thường cho bị hại bằng 10 tháng lương cơ sở với số tiền 18.000.000 đồng là phù hợp, vì vậy kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng bồi thường tiền tổn thất tinh thần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập là 500.000 đồng/ngày x 30 ngày = 15.000.000 đồng/tháng x 06 tháng bằng số tiền 90.000.000 đồng; tại cấp sơ thẩm bị cáo đồng ý bồi thường với thời gian 06 tháng nhưng cho rằng số tiền bồi thường 500.000 đồng/ngày là quá cao nên đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận và buộc bị cáo bồi

thường cho bị hại 300.000 đồng/ngày x 30 ngày = 9.000.000 đồng/tháng x 06 tháng bằng số tiền 54.000.000 đồng. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của bị hại là 300.000 đồng/ngày, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại với số tiền 300.000 đồng/ngày là không có cơ sở; tuy nhiên căn cứ vào “Đơn xác nhận” ngày 29/11/2023 của ông Nguyễn Văn V1 là người thuê bị hại đi theo tàu bơm cát sang lấp mặt bằng từ giữa năm 2022 đến ngày 27/4/2023, mỗi tháng với số tiền là 15.000.000 đồng, trả bằng tiền mặt, vì vậy kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng bồi thường tiền mất thu nhập 500.000 đồng/ngày x 30 ngày = 15.000.000 đồng/tháng x 06 tháng = 90.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Như vậy, đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 142.764.628 đồng (gồm: chi phí điều trị thương tích là 23.464.628 đồng, chi phí thuê xe ô tô đi điều trị thương tích là 11.300.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần là 18.000.000 đồng, tiền mất thu nhập là 90.000.000 đồng) là phù hợp. Và buộc bị cáo bồi thường cho bà Lê Thị V (mẹ bị hại) số tiền 2.100.000 đồng.

[4] Đối với số tiền 12.000.000 đồng do Công an huyện T nộp thay cho bị cáo Bùi Trung K để chờ xử lý theo Biên lai thu tiền số 0000076 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Xét thấy số tiền này trên thực tế bị hại chưa được nhận nhưng Bản án sơ thẩm lại tuyên khấu trừ số tiền này vào tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là không phù hợp, sẽ làm ảnh hưởng đến việc tính án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo; tại thời điểm xét xử vụ án số tiền này chỉ có ý nghĩa làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; số tiền này phải được tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo về bồi thường thiệt hại cho bị hại là phù hợp.

[5] Do số tiền bồi thường có thay đổi tăng lên, nên tiền án phí dân sự sơ thẩm phải được điều chỉnh lại cho phù hợp. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền mất thu nhập 54.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần 18.000.000 đồng, mà không buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với các khoản tiền như chi phí điều trị thương tích 23.464.628 đồng, tiền thuê xe ô tô đi điều trị thương tích 11.300.000 đồng và tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 2.100.000 đồng trong khi các khoản tiền này do Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường, việc tính án phí dân sự sơ thẩm như nêu trên là chưa đúng quy định của pháp luật nên cũng cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[6] Đối với bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam C1 - Bộ C2 với mức án 02 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” của Bản án số

198/2024/HS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên cần tổng hợp hình phạt của Bản án này đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Hoài B về phần trách nhiệm hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Phan Hoài B về phần trách nhiệm dân sự; sửa Bản án sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 26-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre về phần trách nhiệm dân sự;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Trung K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù tại Bản án số: 198/2024/HS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Bùi Trung K chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Trung K phải bồi thường cho bị hại Phan Hoài B số tiền 142.764.628 (một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi tám) đồng.

Buộc bị cáo Bùi Trung K phải bồi thường cho bà Lê Thị V tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000076 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre để bảo đảm thi hành án cho bị cáo Bùi Trung K.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Trung K phải nộp 7.243.231 (bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm ba mươi một) đồng.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Trung K và bị hại Phan Hoài B không phải nộp.

5. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (3b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- Công an huyện Thạnh Phú (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã P, huyện Thạnh Phú (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông